

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI  
Địa chỉ: Thôn Văn, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Tel: ..... Fax: .....

Báo cáo tài chính  
Quý 1 năm tài chính 2026

Mẫu số B01-DN  
(Kèm theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			0	0
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>257,011,609,962</b>	<b>221,737,220,826</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>33,508,253,037</b>	<b>79,815,403,479</b>
1. Tiền	111		33,508,253,037	68,815,403,479
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>72,000,000,000</b>	<b>47,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		72,000,000,000	47,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		0	0
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		0	0
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>49,752,552,471</b>	<b>35,975,615,777</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		47,291,731,783	35,099,560,516
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,585,086,441	227,559,371
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu ngắn hạn khác	135		875,734,247	648,495,890
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		0	0
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>80,772,635,337</b>	<b>58,946,201,570</b>
1. Hàng tồn kho	141		81,756,593,517	58,946,201,570
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(983,958,180)	
<b>V. Tài sản sinh học ngắn hạn</b>	<b>150</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		0	0
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		0	0
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		0	0
<b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>20,978,169,117</b>	<b>0</b>
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		978,169,117	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		20,000,000,000	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19,011,644,023</b>	<b>19,407,813,725</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu dài hạn khác	215		0	0
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		0	0



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18,168,559,840</b>	<b>18,264,648,327</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		9,044,708,855	8,138,137,988
- Nguyên giá	222		100,841,114,040	98,826,471,657
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(91,796,405,185)	(90,688,333,669)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		9,123,850,985	10,112,010,189
- Nguyên giá	228		17,525,873,265	18,732,149,311
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8,402,022,280)	(8,620,139,122)
<b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		0	0
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn	232		0	0
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trước	233		0	0
- Nguyên giá	234		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	235		0	0
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		0	0
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài	237		0	0
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		0	0
<b>IV. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>14,500,150</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	14,500,150
<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	261		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		0	0
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		0	0
<b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>843,084,183</b>	<b>1,143,165,398</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		843,084,183	1,143,165,398
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	274		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>276,023,253,985</b>	<b>241,145,034,551</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>50,014,831,514</b>	<b>39,934,112,801</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50,014,831,514</b>	<b>39,934,112,801</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		25,986,563,997	16,970,630,471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		890,821,353	1,772,598,559
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314		7,222,881,700	2,401,880,568
5. Phải trả người lao động	315		5,641,693,976	4,958,572,394
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		1,731,259,653	2,205,679,172
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		0	0



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		0	0
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		4,459,583,630	8,393,178,660
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		0	0
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		0	0
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4,082,027,205	3,231,572,977
14. Quỹ bình ổn giá	324		0	0
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		0	0
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		0	0
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		0	0
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		0	0
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		0	0
8. Phải trả dài hạn khác	338		0	0
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		0	0
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		0	0
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		0	0
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		0	0
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		0	0
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		0	0
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>226,008,422,471</b>	<b>201,210,921,750</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120,270,860,000	120,270,860,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120,270,860,000	120,270,860,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn	412		14,060,000,000	14,060,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		39,195,797,496	38,151,435,908
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3,290,158,674	3,290,158,674
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		49,191,606,301	25,438,467,168
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		20,550,810,024	20,861,590,350
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		28,640,796,277	4,576,876,818
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>276,023,253,985</b>	<b>241,145,034,551</b>

Hà Nội, Ngày 16 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thu Hà





**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, phường Thanh Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam

Tel: ..... Fax: .....

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm tài chính 2026

Mẫu số B02-DN

(Kèm theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của

Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (1)	01		120,491,434,210	100,088,755,010	120,491,434,210	100,088,755,010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5,786,843,376	82,111,560	5,786,843,376	82,111,560
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		114,704,590,834	100,006,643,450	114,704,590,834	100,006,643,450
4. Giá vốn hàng bán	11		96,440,000,466	85,490,877,208	96,440,000,466	85,490,877,208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18,264,590,368	14,515,766,242	18,264,590,368	14,515,766,242
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		844,837,470	923,058,901	844,837,470	923,058,901
8. Chi phí tài chính	23		1,147,748,649	1,005,794,165	1,147,748,649	1,005,794,165
- Chi phí đi vay	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		3,499,900,044	3,285,222,936	3,499,900,044	3,285,222,936
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6,318,997,516	5,209,097,720	6,318,997,516	5,209,097,720
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		8,142,781,629	5,938,710,322	8,142,781,629	5,938,710,322
12. Thu nhập khác	31		28,378,617,805		28,378,617,805	
13. Chi phí khác	32		675,445,280	174,091,439	675,445,280	174,091,439
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		27,703,172,525	(174,091,439)	27,703,172,525	(174,091,439)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35,845,954,154	5,764,618,883	35,845,954,154	5,764,618,883



16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7,205,157,877	1,187,742,065	7,205,157,877	1,187,742,065
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		28,640,796,277	4,576,876,818	28,640,796,277	4,576,876,818
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71		-	-	-	-

Hà Nội, Ngày 16 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thu Hà





**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, phường Thanh Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam

Tel: ..... Fax: .....

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm tài chính 2026

Mẫu số B03-DN

( Kèm theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP**

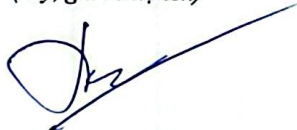
Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		122,429,203,842	96,364,118,188
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(77,243,278,899)	(72,075,647,255)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12,246,930,140)	(9,982,962,517)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,598,200,869)	(1,274,563,558)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		478,404,188	14,337,189
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9,655,063,962)	(2,264,694,803)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>22,164,134,160</b>	<b>10,780,587,244</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45,000,000,000)	(58,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31,000,000,000	52,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	923,058,901
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(34,000,000,000)</b>	<b>(5,076,941,099)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-



Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11,835,865,840)	5,703,646,145
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		45,344,118,877	63,111,757,334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		33,508,253,037	68,815,403,479

Hà Nội, Ngày 16 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thu Hà



Tổng giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Anh



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Thôn Văn, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

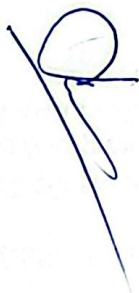
**THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ I NĂM 2026**

Số hiệu	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phát sinh trong năm		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	2	3	4	5	6
333	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
33311	Thuế GTGT đầu ra		4,434,297,825	4,434,297,825	-
33312	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	338,846,129	338,846,129	-
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	-	40,908,714	40,908,714	-
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,598,200,869	7,205,157,877	1,598,200,869	7,205,157,877
3335	Thuế thu nhập cá nhân	140,102,667	111,986,706	243,489,373	8,600,000
3336	Thuế tài nguyên	-	-	-	-
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	411,000,000	411,000,000	-



3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	9,123,823	-	-	9,123,823
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	65,866,948	65,866,948	-
	<b>Tổng cộng/Total</b>	<b>1,747,427,359</b>	<b>12,608,064,199</b>	<b>7,132,609,858</b>	<b>7,222,881,700</b>

**Người lập biểu**  
Preparer



**Đỗ Minh Tâm**

**Kế toán trưởng**  
Chief accountant



**Phạm Thu Hà**

Hà Nội, Ngày 16 tháng 04 năm 2026

Hà Nội, 16 March 2026

**Tổng Giám đốc**  
General Director



**Nguyễn Ngọc Anh**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP.

##### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN.

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM với mã HSP.

##### 1.2. LĨNH VỰC KINH DOANH: Sản xuất và kinh doanh sơn

##### 1.3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Gồm có: Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tư vấn, gia công, dịch vụ kỹ thuật liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt.

• Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

• Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón sinh học

• (Không bao gồm những ngành, nghề mà Pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Sản xuất và kinh doanh sơn...

##### 1.4. CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

- 1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phê duyệt và phát hành Báo cáo tài chính này, không có dữ kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.
- 1.6. **CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP:**  
Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, phường Thanh Liệt, TP Hà Nội  
- Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh - Công ty CP sơn tổng hợp Hà Nội  
Địa chỉ: 319 A13 Lý Thường Kiệt, phường Phú Thọ, TP Hồ Chí Minh  
- Công ty CP sơn tổng hợp Hà Nội - CN Hưng Yên  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Minh Đức, phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên
- 1.7. Số lượng người lao động tại thời điểm 31/03/2026: 236 người ( tại ngày 31/12/2025: 237 người)
- 1.8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:  
Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.  
  
Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.
- 1.9. Thuyết minh các thông tin khác trên Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật có liên quan  
Công ty cũng đã phân loại lại một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2026 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31/03/2026 theo Thông tư 99 cho phù hợp với số liệu của kỳ này.  
Công ty đã thực hiện hạch toán và lập báo cáo tài chính theo đúng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
2. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**
- 2.1 **KỲ KẾ TOÁN NĂM**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.  
Báo cáo tài chính này được lập tại ngày 31/03/2026.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với  
Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng trong kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp trước ngày 01/01/2026: Thông tư 200/2014/TT-BTC

Từ ngày 01/01/2026, áp dụng thông tư 99/2025/TT-BTC thay thế cho thông tư 200/2014/TT-BTC

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG****4.1. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính bằng Ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Công ty không sử dụng đơn vị tiền tệ là Ngoại tệ để trình bày trên báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng trong kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam

**4.2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá hối đoái lựa chọn áp dụng khi kế toán chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;

Tỷ giá áp dụng khi phát sinh chênh lệch tỷ giá trong kỳ

Tỷ giá giao dịch thực tế: dùng tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank nơi Công ty mở tài khoản thanh toán ngoại tệ

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ

Đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ của ngân hàng Vietcombank

**4.3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế**

Lãi suất hiệu lực cho khoản tiền gửi có kỳ hạn được xác định theo Hợp đồng tiền gửi giữa Công ty và Ngân hàng.

**4.4. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với  
Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

trong thời gian không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư và không có rủi ro liên quan đến việc biến  
động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 4.5. NGUYÊN TẮC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### 4.5.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Seabank, kỳ hạn 06 tháng
- Lãi tiền gửi được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ.

##### 4.5.2. Đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty: Ủy thác đầu tư cho Công ty CP quản  
lý quỹ Đầu tư SGI

- Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi  
phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư
- Dự phòng tổn thất đầu tư được trích lập khi có bằng chứng cho thấy giá trị thu hồi  
thấp hơn giá trị ghi sổ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu tài chính khi Công ty có  
quyền nhận.

#### 4.6. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NỢ PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các  
khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được  
trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá  
hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó  
có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 4.7. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện  
được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp  
và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có  
thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành  
sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với  
Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

**4.8. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25
- Máy móc, thiết bị	04 - 08
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

**4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.10. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán**

Nguyên tắc ghi nhận khoản phải trả khi:

- Công ty đã nhận được dịch vụ, hàng hóa
- Có hóa đơn chứng từ hợp pháp hoặc bằng chứng về nghĩa vụ thanh toán
- Khoản phải trả được ghi nhận theo giá trị thực tế phải thanh toán.
- Chi phí liên quan đến khoản phải trả được ghi nhận cùng kỳ kế toán với doanh thu hoặc kỳ phát sinh chi phí đó.

**4.11. Nguyên tắc phải trả cổ tức, lợi nhuận**

- Doanh nghiệp chỉ được chia cổ tức khi có lợi nhuận sau thuế.
- Đã nộp đủ thuế TNDN và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước
- Phải trích lập các quỹ theo quy định (quỹ dự trữ, quỹ đầu tư phát triển... nếu Điều lệ hoặc pháp luật yêu cầu).
- Chỉ phần còn lại mới được chia cổ tức.
- Sau khi trả cổ tức, doanh nghiệp vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09 – DN

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

#### 4.12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- Chi phí phải được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ
- Ghi nhận chi phí khi nghĩa vụ phát sinh, không phụ thuộc vào thời điểm thanh toán
- Chi phí phải trả chỉ được tính vào chi phí hợp lý khi có hồ sơ, chứng từ đầy đủ, có thanh toán

#### 4.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ phải được: phân bổ theo thời gian hoặc theo tiến độ thực hiện nghĩa vụ

Một số khoản thường ghi nhận doanh thu chờ phân bổ: Tiền thuê tài sản nhận trước, doanh thu dịch vụ thu trước nhiều kỳ

#### 4.14. Nguyên tắc kế toán các khoản dự phòng phải trả

Công ty chỉ được ghi nhận dự phòng phải trả khi đồng thời thỏa mãn 3 điều kiện:

- Có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ sự kiện đã xảy ra
- Chắc chắn hoặc có khả năng cao phải chi ra nguồn lực (tiền, tài sản...) để thanh toán nghĩa vụ đó
- Ước tính được một cách đáng tin cậy giá trị của nghĩa vụ.

Giá trị dự phòng là giá trị ước tính hợp lý nhất các khoản chi phí cần thiết để thanh toán tại ngày lập BCTC.

#### 4.15. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại là số thuế sẽ phải nộp hoặc được hoàn trong tương lai phát sinh từ chênh lệch tạm thời giữa: Giá trị ghi sổ của tài sản/nợ phải trả trên BCTC và giá trị thuế của chúng

Thuế TNDN hoãn lại phải trả ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế

Chi phí hoặc thu nhập thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

#### 4.16. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

##### *Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 4.17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**4.18 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

**4.19. Nguyên tắc các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Công ty có chính sách bán hàng rõ ràng để ghi nhận các khoản giảm trừ.

Ghi nhận khoản giảm trừ cùng kỳ với doanh thu liên quan.

**4.20. Nguyên tắc giá vốn hàng bán**

- Doanh thu phát sinh kỳ nào thì giá vốn phải ghi nhận cùng kỳ đó.
- Giá vốn được xác định theo giá gốc thực tế
- Áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

#### 4.21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, thông tư 99/2025/TT-BTC

- Chi phí tài chính phải được ghi nhận vào kỳ phát sinh
- Chi phí tài chính phải được ghi nhận phù hợp với doanh thu tạo ra trong kỳ.
- Chi phí tài chính - TK 635: Lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá

#### 4.22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán đối với chi phí bán hàng (TK 641) và chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) theo chế độ kế toán hiện hành - Thông tư 99/2025/TT-BTC.

- Chi phí bán hàng: Phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động bán hàng, được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ, cuối kỳ kết chuyển toàn bộ vào TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp: Lương bộ phận quản lý, chi phí văn phòng, khấu hao CCDC, TSCĐ, thuế, phí, lệ phí. Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### 4.23. Nguyên tắc kế toán bán, thanh lý TSCĐ, bất động sản đầu tư

Nguyên tắc kế toán khi bán, thanh lý TSCĐ và bất động sản đầu tư là ghi nhận giảm tài sản và ghi nhận thu nhập/ chi phí liên quan.

- Khi bán, thanh lý TSCĐ phải xóa sổ TSCĐ khỏi sổ kế toán, khoản thu từ bán, thanh lý TSCĐ ghi nhận vào Thu nhập khác (TK 711).
- Các chi phí liên quan đến việc bán, thanh lý ghi nhận vào Chi phí khác (TK 811).

#### 4.24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo hệ thống chuẩn mực và kế toán thông tư 99/2025/TT-BTC.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**4. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****4.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2026 VND	31/12/2025 VND
Tiền mặt tại quỹ	483.373.966	3.724.322.989
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</i>	33.024.879.071	41.613.941.507
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) gửi tại		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Đông Đô		
<b>Cộng</b>	<b>33.508.253.037</b>	<b>45.338.264.496</b>

**4.2 PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2026 VND	31/12/2025 VND
Công Ty TNHH Công Nghiệp Chính Xác Việt Nam 1	1.037.152.912	771.502.930
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN ĐẠT	2.604.501.575	1.052.181.999
Công Ty HONDA Việt Nam	9.432.246.051	7.735.168.015
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BÌNH LÂM	1.075.639.799	662.578.645
Công ty CP Nhựa và cơ khí Hải Phòng	1.577.386.808	123.446.074
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ LẮP MÁY VIỆT NAM	672.098.000	672.098.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

**CÔNG TY TNHH THÁI HUY KHANG**

Các khách hàng khác

**Cộng**

221.287.925

487.373.583

30.671.418.713

4.816.344.702

47.291.731.783

16.320.693.948

**4.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Trả trước ngắn hạn cho người bán

Công ty TNHH Kỹ Thuật GREENTECH VINA

Công ty TNHH TM và dịch vụ in ấn Quang Vinh  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ KIM LOẠI VIỆT NAM

Công ty TNHH Thái Thông Hưng Yên

Mitsui Bussan

Trả trước cho các nhà cung cấp khác

**Cộng**

31/03/2026

VND

31/12/2025

VND

-

40.500.000

-

-

144.168.454

103.915.916

1.281.372.160

303.714.281

116.840.630

1.585.086.441

405.425.000

**4.4 HÀNG TỒN KHO**

31/03/2026

Giá gốc

VND

31/12/2025

Giá gốc

VND

Dự phòng

VND

Hàng hóa

Nguyên liệu, vật liệu

Thành Phẩm

**Cộng**

52.292.630.685

54.768.701.320

29.463.962.832

30.233.065.357

81.756.593.517

85.001.766.677

**4.5****TÀI SẢN CỐ ĐỊNH****4.5.1 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	23.719.524.297	47.366.008.849	13.786.568.797	14.123.788.767	98.995.890.710
- Mua trong năm					0
- Đầu tư XD CB hoàn thành					0
- Tăng khác (phân loại lại)					0
- Giảm khác (Phân loại lại)					0
Số dư cuối kỳ	23.719.524.297	47.366.008.849	13.786.568.797	14.123.788.767	98.995.890.710
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	21.190.720.027	46.459.039.620	9.652.215.426	13.692.829.917	90.994.804.990
- Khấu hao trong năm	174.926.433	82.732.251	378.161.513	19.340.115	655.160.312
- Tăng khác					0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					0
- Thanh lý, nhượng bán					0
- Giảm khác					0
Số dư cuối năm	21.365.646.460	46.541.771.871	10.030.376.939	13.712.170.032	91.649.965.302
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu năm	2.528.804.270	906.969.229	4.134.353.371	430.958.850	8.001.085.720
- Tại ngày cuối năm	2.353.877.837	824.236.978	3.756.191.858	411.618.735	7.345.925.408

**4.5.2- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	17.261.158.686	1.470.990.625	0	0	18.732.149.311
- Mua trong năm					
- Giảm trong năm	1.206.276.046				1.206.276.046
Số dư cuối năm	16.054.882.640	1.470.990.625	0	0	17.525.873.265
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.014.810.848	1.157.147.560	0	0	917.195.8408
- Khấu hao trong năm	108.643.601	67.038.915			175.682.516
- Giảm trong năm	260.657.402				260.657.402
Số dư cuối năm	8.877.046.835	1.224.186.475	0	0	9.086.983.522
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	9.246.347.838	313.843.065	0	0	9.560.190.903
- Tại ngày 31/03/2026	8.192.085.593	246.804.150	0	0	8.438.889.743

**4.6. Tài sản khác**

	<b>31/03/2026</b>	<b>31/12/2025</b>
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	843.084.183	966.044.221

**4.7 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>31/03/2026</b>	<b>31/12/2025</b>
	Book value	Book value
	Repayable	Repayable
	amuont	amuont
	VND	VND
Short-term		



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

Công ty TNHH Thương mại Hạnh Đức			1.550.835.000	1.550.835.000
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÀ ANH PHÁT	5.799.517.920	5.799.517.920	3.154.655.203	3.154.655.203
Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Mega Việt Nam	1.515.888.000	1.515.888.000	0	0
Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Thị Trường Hoá Chất	1.116.146.304	1.116.146.304	0	0
Phải trả khách hàng khác	17.555.011.773	17.555.011.773	1.983.023.814	1.983.023.814
<b>Total</b>	<b>25.986.563.997</b>	<b>25.986.563.997</b>	<b>6.688.514.017</b>	<b>6.688.514.017</b>

**4.8 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/03/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGẮN HẠN</b>		
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN ĐẠT	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Nam Hải	-	262.468.776
CÔNG TY TNHH MTV TRUNG HỒNG NINH THUẬN	6.000.000	58.212.081
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠT THÀNH PHÁT	-	58.267.912
CÔNG TY CP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VẠN AN	42.712.247	267.462.660
Công Ty TNHH Đầu Tư và Sản Xuất Hưng Thịnh	-	54.542.329
Công Ty TNHH Hồng Đăng	-	2.553.828
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI THẮNG LONG HÀ NỘI	-	197.010.692
Công ty CP 216		-
Các khách hàng khác	842.109.106	1.856.280.374
<b>Cộng</b>	<b>890.821.353</b>	<b>2.756.798.652</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính**4.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2026	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/03/2026
	VND			VND
Thuế phải nộp		4.434.297.825	4.434.297.825	-
Thuế GTGT hàng NK		338.846.129	338.846.129	-
Thuế TNDN	1.598.200.869	7.205.157.877	1.598.200.869	7.205.157.877
Thuế nhập khẩu		40.908.714	40.908.714	-
Thuế thu nhập cá nhân	140.102.667	111.986.706	243.489.373	8.600.000
Thuế tài nguyên				-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		411.000.000	411.000.000	-
Các loại thuế và lệ phí khác	9.123.823	65.866.948	65.866.948	9.123.823
<b>Cộng</b>	<b>1.747.427.359</b>	<b>12.608.064.199</b>	<b>7.132.609.858</b>	<b>7.222.881.700</b>

**4.9 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/03/2026 VND	31/12/2025 VND
<b>NGÁN HẠN</b>		
- Kinh phí công đoàn	2.397.137.940	2 404 747 930
- Phải trả CBCNV	5.641.693.976	7.398.341.370
- Phải trả khác	2.062.873.850	1.942.323.359
<b>Cộng</b>	<b>10.101.705.766</b>	<b>11 745 412 659</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON TÓNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B09 – DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

**4.27. Vốn chủ sở hữu****a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
A	1	2	3	3	4	7	9
Số dư đầu năm trước	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	1.044.361.588	3.290.158.674	20.861.590.350	196.634.044.932
- Tăng vốn trong năm trước						20.540.197.010	20.540.197.010
- Lãi trong năm trước						20.540.197.010	20.540.197.010
- Trích lập quỹ							0
- Giảm vốn trong năm nay							
- Chia cổ tức							
- Trích lập các quỹ							
Số dư đầu năm nay	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	1.044.361.588	3.290.158.674	20.550.810.024	197.367.626.194
- Tăng vốn trong năm nay						28.640.796.277	28.640.796.277
- Lãi trong năm nay						28.640.796.277	28.640.796.277
- Trích lập quỹ							
- Giảm vốn trong năm nay							
- Chia cổ tức							
- Trích lập các quỹ							
Số dư tại 31/03/2026	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	1.044.361.588	3.290.158.674	49.191.606.301	226.008.422.471

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm****5.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	31/03/2026 VND	Năm 2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.491.434.210	463 229 817 881
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.786.843.376	30 172 928 209
<b>Cộng</b>	<b>114.704.590.834</b>	<b>433.056.889.672</b>

**5.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	31/03/2026 VND	Năm 2025 VND
Giá vốn hàng bán	96.440.000.466	360.648.449.325
<b>Cộng</b>	<b>96.440.000.466</b>	<b>360.648.449.325</b>

**5.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	31/03/2026 VND	Năm 2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	844.837.470	2.790.872.155
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>844.837.470</b>	<b>2.567.834.818</b>

**5.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	31/03/2026 VND	Năm 2025 VND
Lãi vay	1.147.748.649	3.747.672.957
<b>Cộng</b>	<b>1.147.748.649</b>	<b>3.747.672.957</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

**5.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	31/03/2026 VND	Năm 2025 VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>3.499.900.044</b>	<b>17 333 114 362</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.887.754.762	6 806 126 927
- Chi phí khấu hao	8.455.158	42 929 760
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.670.411	
- Chi phí bằng tiền khác	1.590.019.713	10 048 193 094
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>6.318.997.516</b>	<b>28 733 135 911</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.149.277.331	13 832 991 066
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	85.929.582	393 668 892
- Chi phí khấu hao TSCĐ	678.793.222	2 623 673 333
- Thuế, phí, lệ phí	411.000.000	1 469 774 213
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí bằng tiền khác	1.993.997.381	10 413 028 407
<b>Total</b>	<b>9.818.897.560</b>	<b>46.066.250.273</b>

**5.6 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	31/03/2026 VND	Năm 2025 VND
Chi phí nguyên vật liệu	90.081.867.635	333 122 789 000
Chi phí nhân công	3.772.672.419	23 584 361 189
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.752.825	576 655 911
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	3.842.333.377	14 356 226 080
<b>Total</b>	<b>97.999.626.256</b>	<b>363.232.296.319</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Mẫu số B09 – DN**

Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

**5.7 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	31/03/2026 VND	Năm 2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.845.954.154	25 779 943 013
Các khoản chi phí không được khấu trừ	179.835.229	802 102 686
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	36.025.789.383	26 582 045 699
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.205.157.877	5.316.409.140

**6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các chính sách kế toán chủ yếu.

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản chính và công nợ tài chính.

Người lập



Đỗ Minh Tâm

Kế toán trưởng



Phạm Thu Hà

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2026

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

